

Bản số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hải

Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ: Không tham gia phiên tòa

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 92/2021/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 29/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1988. (Có mặt).

Trú tại: Xóm Q, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1987. (Có mặt).

Trú tại: Xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày: chị và anh T1 kết hôn năm 2014. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, kết hôn tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau. Chồng chị không những có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác mà còn đánh chị trước mặt mẹ đẻ và người thân của chị. Hiện tại, vợ chồng đang sống ly thân. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Duy P, sinh ngày 18/12/2015. Khi vợ chồng ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung và đề nghị anh T1 cấp dưỡng nuôi con với mức 800.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Về con riêng: Chị T có 01 con riêng là cháu Nguyễn Phương A, sinh ngày 17/3/2010. Đây là con riêng của chị có trước thời kỳ hôn nhân với anh T1. Sau khi vợ chồng kết hôn, anh chị đã làm thủ tục bổ sung phần thông tin người cha là anh Nguyễn Đức T1 cho cháu Nguyễn Phương A. Khi vợ chồng ly hôn, chị không yêu cầu gì đối với con riêng. Chị tự có trách nhiệm nuôi dạy cháu A cho đến khi đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Ngoài ra, anh T1 cũng có 01 con riêng là cháu Nguyễn Duy L, sinh ngày 16/5/2010. Anh T1 tự phải có trách nhiệm nuôi dạy cháu L cho đến tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Đức T1 trình bày: Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa trầm trọng, chưa đến mức phải ly hôn. Tại phiên tòa, anh T1 giữ nguyên quan điểm xin đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: Anh xác nhận lời trình bày của chị T là đúng về việc có 01 con chung là Nguyễn Duy P, sinh ngày 18/12/2015. Khi vợ chồng ly hôn, anh T1 yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngoài ra, anh T1 cũng xác nhận mỗi người đều có 01 con riêng: Cháu Nguyễn Phương A là con riêng của chị T và cháu Nguyễn Duy L là con riêng của anh T1. Anh không có yêu cầu gì về con riêng. Khi ly hôn, mỗi bên đều phải tự có trách nhiệm nuôi dưỡng con riêng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Vì vậy, Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình bị đơn Hộ khẩu thường trú tại: huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Đức T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn Chị T và anh T1 sống hoà thuận cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, không tôn trọng lẫn nhau. Anh T1 có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng nhưng trong suốt quá trình từ khi Tòa án thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, anh T1 không có biện pháp hữu ích thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, Tòa án cũng đã hòa giải và tạo cơ hội để hai bên xem xét lại mâu thuẫn và đoàn tụ vợ chồng nhưng không thành. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Lệ T ly hôn với anh Nguyễn Đức T1 theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Duy P, sinh ngày 18/12/2015. Khi vợ chồng ly hôn, cả anh T1 và chị T đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Tuy nhiên, xét về điều kiện hoàn cảnh của các bên, HĐXX nhận thấy: Các bên đều có nhà ở và điều kiện đi lại thuận tiện. Tuy nhiên, cháu P còn nhỏ, chậm nói, rất cần sự quan tâm, chăm sóc từ người mẹ. Do đó, để tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho con chung để cho chị T nuôi con chung là phù hợp. Vì vậy, HĐXX quyết định giao con chung là cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 18/12/2015 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với mức 800.000đ/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, để đảm bảo phát triển cho con sau ly hôn, anh T1 có thu nhập nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con là 800.000đ/tháng.

Về con riêng, các bên thừa nhận đều có con riêng nhưng các bên tự thỏa thuận nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết về tài sản và xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Lệ T phải **chịu 300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Anh Nguyễn Đức T1 phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Lệ T, cho chị Nguyễn Thị Lệ T ly hôn với anh Nguyễn Đức T1.

[2]. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Duy P, sinh ngày 18/12/2015 cho chị Nguyễn Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 18/12/2015 với mức 800.000đ/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về con riêng: Các bên tự thỏa thuận nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Anh T1 có quyền và nghĩa vụ chăm sóc và thăm nom con chung, không ai được phép ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

[3]. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5]. Án phí: chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu **300.000đồng** (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005143 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Anh Nguyễn Đức T1 phải chịu 300.000đ án phí của người cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh và huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- UBND xã H;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quang Tuấn

